

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 28/4/2023

(V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

2. Ông Nguyễn Trung Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 41/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Võ Đức A – sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khu phố 8, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Bà Đặng Thị Thu C – sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu phố 8, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông A và bà C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Đức A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2021 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian sống chung vợ chồng cùng lo làm ăn, nuôi dạy con cái. Những năm gần đây E sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Ông và bà C đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có hai con Võ Gia E, sinh ngày 18/01/2004 và Võ Gia Anh Thư, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay cháu E đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Anh Thư đang ở với bà C. Sau khi ly hôn ông và bà C thỏa thuận giao con cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị Thu C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2021 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống hai người có xảy ra mâu thuẫn như ông A trình bày ở trên là đúng. Nay ông A xin ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: Ông bà có hai con Võ Gia E, sinh ngày 18/01/2004 và Võ Gia Anh Thư, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay cháu E đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Anh Thư đang ở với bà. Sau khi ly hôn bà và ông A thỏa thuận bà tiếp tục nuôi con, ông A cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên E biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và E biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Võ Đức A và bà Đặng Thị Thu C là quan hệ vợ chồng. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa ông A và bà C giao cháu Võ Gia Anh Thư, sinh ngày 12/11/2007 cho bà C được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà C hàng tháng 2.000.000 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Đặng Thị Thu C cư trú tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Xét quan hệ giữa ông Võ Đức A và bà Đặng Thị Thu C nhận thấy, ông A và bà C đều xác định ông bà tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Và Ủy ban nhân dân phường B cũng xác nhận qua kiểm tra hệ thống phần mềm dữ liệu đăng ký kết hôn tại phường không có tên đăng ký Võ Đức A và Đặng Thị Thu C. Xét quan hệ giữa ông A và bà C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến năm 2021 đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm E sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông A và bà C là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có hai con Võ Gia E, sinh ngày 18/01/2004 và Võ Gia Anh Thư, sinh ngày 12/11/2007. Cháu E đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Anh Thư đang ở với bà C, ông bà thỏa thuận bà C được quyền tiếp tục nuôi con, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư nên được chấp nhận và công nhận sự thỏa thuận giữa ông A và bà C về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Ông Võ Đức A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng cho con.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật Thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức A.

- Không công nhận quan hệ giữa ông Võ Đức A và bà Đặng Thị Thu C là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ Đức A và bà Đặng Thị Thu C như sau: Giao cháu Võ Gia Anh Thư, sinh ngày 12/11/2007 cho bà C được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà C hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất E sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí: Ông Võ Đức A phải nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014167 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan